

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28/3/2025

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở.

2. Ông Phạm Mạnh Quỳ.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1990.

HKTT: Khu H, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Anh **Chữ Minh Q**, sinh năm 1985.

HKTT: Khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2024, bản tự khai ngày 25/11/2024 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q1 có quen biết nhau, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 và có một người con chung, đến tháng 6 năm 2024 hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với mẹ anh Q tại xã T, huyện T. Trong cuộc sống gần đây mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cách sống, không hợp nhau nên có lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau, anh Q mãi chơi bời không chăm lo cho gia đình, vợ chồng sống không tin tưởng vào tình cảm của nhau, vợ chồng ít nói chuyện, chia sẻ với nhau, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng vợ chồng không có cách nào để hàn gắn tình cảm, bản thân anh Q1 cũng không có động thái gì, không muốn níu kéo tình cảm. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì bố mẹ hai bên gia đình có biết, có khuyên bảo, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Chính vì cuộc sống gia đình căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, chị D và con chung về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã T, huyện L để ở, vợ chồng sống không ai còn quan tâm đến nhau nữa, khi làm đơn ly hôn chị cũng có gọi điện thoại cho anh Q về để giải quyết ly hôn, nhưng anh bảo đi làm công nhân ở khu công nghiệp T, thành phố V không xin nghỉ được, không về, gây khó khăn cho chị. Nay chị D xác định tình cảm với anh Q không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để hai bên giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Chử Thảo N, sinh ngày 26/01/2022, hiện nay con chung đang ở với chị D và bố mẹ chị tại xã T, huyện L từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2024 đến nay được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ. Bản thân anh Q từ khi sống ly thân không có thăm hỏi, trách nhiệm gì với các con chung. Ly hôn chị D xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị D đang làm ở quán ăn, thu nhập khoảng 15 đến 20

triệu/ 01 tháng, hiện tại chị và con chung ở với bố mẹ đẻ có nhà ở kiên cố, rộng rãi đảm bảo cho việc nuôi con chung, chị D đảm bảo về điều kiện sống và thu nhập để nuôi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Nguyễn Thị D trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, anh Chử Minh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị D với anh Q, lấy lời khai của mẹ đẻ anh Q. Theo kết quả xác minh xác định anh Q có hộ khẩu thường trú tại khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2024 của bà Phạm Thị G là mẹ đẻ anh Q cũng xác định như sau: Chị D và anh Q hai bên ai cũng có một đời chồng, một đời vợ rồi, sau đó đi làm gặp nhau, quen biết nhau chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022, đến tháng 6 năm 2024 hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước và sau khi kết hôn vợ chồng chị D, anh Q đã về sống chung với gia đình nhà bà. Đến cuối năm 2024 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, lý do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm dành cho nhau, từ đó dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau, giữa chị D với gia đình nhà chồng cũng không được thoải mái, tế nhị. Mặt khác anh Q cũng mãi chơi bời không chăm lo đến gia đình. Anh Q, chị D không chung sống cùng nhau từ cuối năm 2024 đến nay. Khi mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra bản thân bà G có khuyên bảo, nói rất nhiều để vợ chồng anh Q, chị D bỏ qua mâu thuẫn về chung sống với nhau, nuôi dạy con cái nhưng không được. Thực tế vợ chồng anh Q, chị D không có hạnh phúc, không ăn ở với nhau từ rất lâu. Bà G mong muốn các con suy nghĩ lại để về đoàn tụ gia đình, nếu thực sự vợ chồng không về chung sống với nhau nữa đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà G cũng xác định vợ chồng anh Q, chị D có một con chung là cháu Chử Thảo N, sinh ngày 26/01/2022, hiện nay con chung đang ở với chị D và bố mẹ chị tại xã T, huyện L. Quan điểm của bà G đề nghị Tòa án giao con chung cho chị D

được trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu đang ở với mẹ đã quen, đang học hành ổn định. Bản thân anh Q đi làm không có thời gian, không quan tâm, trách nhiệm gì đến con chung

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Theo bà G thì vợ chồng anh chị chung sống với gia đình bà một thời gian, sau đó vợ chồng lại xảy ra cãi nhau và hiện tại sống ly thân nên bà không biết được anh chị có tài sản chung, nợ nần gì không, kinh tế gia đình anh chị bà không nắm được. Bà G chỉ biết con trai bà đi làm ăn ở khu công nghiệp T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Anh Q thỉnh thoảng có về nhà chơi, một tuần anh về hai hoặc ba lần, trừ khi anh làm ca tối không về được, khi bận không về được thì anh có gọi điện thường xuyên cho bà. Bà G có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác của Tòa án, bà có gọi điện trực tiếp thông báo đến anh Q, khi anh về nhà chơi thì bà cũng đưa giấy tờ, nói về việc Tòa án lên gia đình giải quyết ly hôn, anh Q cũng có nói lại với bà: Khi làm đơn ly hôn chị D cũng thông tin cho anh được biết, dưới Tòa án cũng đã liên lạc bằng điện thoại cho anh, thực tế vợ chồng không ăn ở với nhau đã lâu, không còn tình cảm nữa, anh Q nhất trí ly hôn giải thoát cho nhau để ổn định cuộc sống, con cái cứ để chị D nuôi dưỡng vì con đang ở với mẹ đã quen, anh đi làm công nhân giờ giấc thất thường, chỗ ăn ở không ổn định, không đảm bảo để nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, các vấn đề khác vợ chồng không có gì, ly hôn anh cũng không có yêu cầu giải quyết gì. Anh bận công việc đi làm ăn nên không có thời gian đến Tòa án, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 28/02/2025. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Chử Minh Q. Về con chung:

Giao con chung là cháu Chữ Thảo N, sinh ngày 26/01/2022 cho chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 14/11/2024 chị Nguyễn Thị D nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Chữ Minh Q, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 28/02/2025, bị đơn anh Chữ Minh Q được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Q không đến Tòa án làm việc nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D, anh Q là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Chữ Minh Q xây dựng gia đình với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2024 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình mẹ đẻ anh Q tại xã T, huyện T. Đến khoảng cuối năm 2024 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong kinh tế gia đình, từ đó lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, sứt mẻ tình cảm, mặt khác anh Q hay chơi bời không chăm lo đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng được bố mẹ hai bên hòa giải, khu xóm khuyên bảo nhưng không có kết quả gì. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được nguyên đơn trình bày tại bản tự khai. Anh Q không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn. Kết quả thu thập chứng cứ tại khu hành chính khu A, xã T, huyện T, lấy lời khai của bà G là mẹ đẻ anh Q cũng xác định vợ chồng anh

Q, chị D có mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, thực tế anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D xin ly hôn anh Q là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị D và anh Q có một con chung là cháu Chử Thảo N, sinh ngày 26/01/2022, hiện con chung đang ở với chị D tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn quan điểm chị D xin được nuôi con chung đến khi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh Q và chị D sống ly thân năm 2024 đến nay, cháu N vẫn ở với chị D và được chị cùng gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, bản thân anh Q không quan tâm hoặc chu cấp gì để chị D nuôi con, điều đó thể hiện anh Q thiếu trách nhiệm với con chung. Hiện tại cháu N có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với mẹ và ông bà ngoại tại xã T, huyện L. Bản thân cháu N còn rất nhỏ, cháu vừa được hơn 3 tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường, cháu có điều kiện ăn học, sự phát triển toàn diện, không làm xáo trộn tâm lý, đảo lộn nếp ăn ở hiện tại của cháu N cần giao con chung cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Nguyễn Thị D xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh Q không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Chử Minh Q. Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Chử Minh Q.

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Chử Thảo N, sinh ngày 26/01/2022 cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung thành niên. Anh Chử Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Chử Minh Q không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0004444 ngày 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Thực Luyện;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Duyên Hòa